

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 21/2018/DS-ST*

*Ngày: 17/04/2018*

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Dương Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lâm Thị Tám

Ông Lâm Kim Mến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-DS, ngày 26/03/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lục Thị L, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 286 ấp Lê Văn X, xã N, huyện M, tỉnh S.

- Bi đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh S.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị H, (S), sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lục Thị L trình bày:*

Thời gian từ ngày 17/4/2015 đến ngày 01/10/2015 bà Lục Thị L có bán cho bà Nguyễn Thị T các loại thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm. Đến ngày 28/7/2015 hai bên kết sổ thì bà T còn nợ bà L số tiền tổng cộng là 177.492.000 đồng. Sau khi kết sổ xong thì bà L bán thêm cho bà T các loại thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm với số tiền 30.774.000 đồng. Tổng cộng bà T còn nợ bà L là 208.266.000 đồng. Hai bên thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm thì bà T phải thanh toán số nợ cho bà L nhưng sau đó bà T không

thực hiện theo thỏa thuận, bà T đã thu hoạch tôm nhưng không thanh toán đủ số nợ cho bà L, vì vậy hai bên xảy ra tranh chấp, bà L khởi kiện yêu cầu bà T phải hoàn trả số tiền nợ tổng cộng là 208.266.000đ và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của số tiền này kể từ ngày ngưng thanh toán cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất nhà nước quy định.

Tại phiên tòa bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T hoàn trả số tiền là 177.492.000đ mà bà T thừa nhận và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của số tiền này kể từ ngày ngưng thanh toán là ngày 28/7/2015 cho đến nay theo lãi suất nhà nước quy định.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/03/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Nguyên vào ngày 17/4/2015 bà có đến Đại lý thức ăn của bà Lục Thị L mua các loại thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm với hình thức ghi sổ nợ cho đến khi thu hoạch thì thanh toán. Trong quá trình mua bán thì các bên chỉ có làm 01 cuốn sổ ghi chép theo dõi nợ. Đến ngày 28/7/2015 kết sổ thì bà còn nợ bà L số tiền là 234.572.000đ, bà có trả được 70.000.000đ, còn nợ 164.572.000đ, sau đó bà kiểm tra thì còn sót lại số tiền 6.460.000đ, như vậy tổng cộng bà còn nợ bà L là 177.492.000đ từ ngày 28/7/2015 đến nay chưa thanh toán. Tại phiên tòa bà thống nhất hoàn trả số tiền này cho bà L nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin 04 tháng nữa sẽ trả dần cho bà L, còn đối với phần lãi suất thì bà xin bà L bỏ lãi cho bà vì không có khả năng trả. Riêng đối với số tiền nợ 30.774.000đ mà trước đây bà L kiện đòi thì số tiền này bà đã thanh toán xong cho bà L, nay bà L rút lại không kiện nữa bà cũng thống nhất.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H trình bày:* Bà là người chở thuê và có nhận tiền của bà T trả cho ba Lén, bà không thống nhất với lời trình bày của bà T vì bà chỉ có một lần nhận số tiền 4.000.000đ của bà T gửi trả cho bà L chứ không phải nhận dùm 14.000.000đ

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà T hoàn trả số tiền là 30.774.000đ mà hai bên mua phát sinh sau khi kết sổ chỉ yêu cầu bà T hoàn trả số tiền 177.492.000đ và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 28/7/2015 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền là 177.492.000đ và lãi chậm thanh toán thì thấy:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất với nhau về số tiền còn nợ là 177.492.000đ và thống nhất với nhau về ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 28/7/2015, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

[5] Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận còn nợ bà L số 177.492.000đ và bà T cũng thông nhất hoàn trả số tiền này cho bà L nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin 04 tháng nữa sẽ trả đủ một lần cho bà T.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 177.492.000đ và có cung cấp sổ sách ghi chép lại đầy đủ của các số tiền trong quá trình mua bán giữa các bên, phía bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ trên. Xét thấy bị đơn đã mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của bị đơn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, như đã phân tích ở trên bị đơn đã vi phạm hợp đồng mua bán tài sản đối với nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Việc bị đơn nại ra rằng nguyên đơn đã vi phạm thỏa thuận là khi bị đơn thu hoạch tôm thì mới được trả tiền nợ nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận này, ngoài ra bị đơn yêu cầu xin 04 tháng nữa sẽ trả đủ nợ là không phù hợp, vì vậy lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ là 177.492.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 357; Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “ Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền theo hợp đồng” “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Ngoài ra tại khoản 2 Điều 375 quy định về mức lãi suất nếu hai bên không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm. Chiếu theo quy định trên thì việc bà T mua hàng hóa của bà L và không thanh toán đúng hạn thì bà T phải chịu tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp, việc tính lãi suất chậm thanh toán được tính cụ thể như sau:

Từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 28/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2018) là 02 năm 8 tháng 19 ngày.

$177.492.000đ \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 48.267.963đ.$

Vốn và lãi tổng cộng là:  $48.267.963đ + 177.492.000đ = 225.759.963đ.$

Như đã phân tích ở trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả vốn và lãi là có căn cứ để chấp nhận, cần xử buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lục Thị L số tiền còn nợ vốn lãi là 225.759.963đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[8] -Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H do trước đây bà L và bà T tranh chấp với nhau số tiền 30.774.000đ có liên quan đến bà Hoa nên Tòa án đưa bà H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên tại phiên tòa bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện có liên quan đến bà H, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm, nghĩa vụ gì đối với bà Huỳnh Thị H.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 11.287.998đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xử buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 225.759.963đ, ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 280, Điều 430, 357, Điều 440, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Lục Thị L số tiền vốn và lãi là 225.759.963đ (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng*).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lục Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T còn phải trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 10% năm đối với số tiền chậm thi hành án.

- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.774.000đ, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

### **2/ Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Nguyên đơn bà L không phải chịu án phí và được hoàn trả lại các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.205.650đ (*Năm triệu hai trăm lẻ năm ngàn sáu trăm năm mươi đồng*), theo biên lai thu số 0005259, ngày 2/10/2017 và số tiền 1.080.379đ (*Một triệu không trăm lẻ tám ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng*), biên lai thu số 0008847, ngày 24/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 11.287.998đ (*Mười một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**